

Bản án số: 18/2024/HNGĐ - ST  
Ngày: 15-4-2024  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân; ông Phạm Văn Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 15/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/3/2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị O** - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: **Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Trịnh Văn T** - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: **Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Phạm Thị O** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **Trịnh Văn T** chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 1989, nhưng không làm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, hai vợ chồng chung sống được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông **T** bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, ông **T** đi làm xa còn có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Bà và ông **T** sống ly thân nhau được 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn ông **T** theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng bà có 02 con chung là **Trịnh Thị T1** – Sinh năm 1991 và **Trịnh Văn T2** – Sinh năm 1992. Hiện các cháu đã đến tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Trịnh Văn T** trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà **O** có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống vào năm 1989, nhưng không làm đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống với nhau được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ông, bà sống ly thân nhau được 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông thấy tình cảm không còn, bà **O** yêu cầu xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con: Ông và bà **O** có 02 con chung như bà **O** trình bày. Hiện các cháu đã đến tuổi trưởng thành và có gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà **Phạm Thị O** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông **Trịnh Văn T** có địa chỉ tại **thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà **Phạm Thị O** và ông **Trịnh Văn T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà **O** và ông **T**.

[2] Về hôn nhân: Bà **Phạm Thị O** và ông **Trịnh Văn T** chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Bà **O** và ông **T** chung sống được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, theo bà **O** còn do ông **T** đi làm xa có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Bà **O** và ông **T** sống ly thân nhau 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau.

Như vậy, cả bà **O** và ông **T** đều thừa nhận ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, khi nộp đơn khởi kiện bà **O** có nộp 01 đơn xin xác nhận của **xã N** thể hiện: Qua xác minh, kiểm tra hồ sơ lưu trữ và sổ bộ đăng ký kết hôn tại UBND xã thì: **UBND xã N** chỉ còn lưu trữ sổ kết hôn từ năm 2000 đến nay nhưng không có hồ sơ đăng ký kết hôn của bà **O** và ông **T**. Theo khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cần xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà **O** và ông **T** là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà **O** và ông **T** đều thừa nhận có 02 con chung là **Trịnh Thị T1** – Sinh năm 1991 và **Trịnh Văn T2** – Sinh năm 1992. Hiện các cháu đã đến

tuổi trưởng thành và có gia đình riêng, ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Bà O và ông T không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị O và ông Trịnh Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà bà đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005260 ngày 19/02/2024 của Chi cục THADS huyện N; bà O đã nộp đủ tiền án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Bà O và ông T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Phương, huyện Nga Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Thủy**